

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2009 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009 của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh XNK Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 23 tháng 11 năm 2009, từ trang 08 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề chưa thống nhất

- Tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình thuộc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh XNK Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (Công ty mẹ) phát sinh doanh thu chủ yếu từ 3 hoạt động: cho thuê đất tại Khu công nghiệp, bán nền đất và bán chung cư. Từ năm 1998 đã bắt đầu phát sinh việc thu tiền thuê đất trong Khu công nghiệp trong khi chi phí về xây dựng cơ sở hạ tầng để phục vụ cho hoạt động chưa phát sinh đầy đủ và tại thời điểm đó lại phát sinh các chi phí đền bù di dời các hộ dân. Do vậy từ năm 2003 trở về trước Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình đã áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyên giao lô đất”: doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền một lần và giá vốn tại thời điểm đó là các chi phí liên quan đến việc đền bù giải tỏa các hộ dân. Từ năm 2003 trở đi, sau khi đã tập hợp các chi phí liên quan đến hoạt động thuê đất và chi phí liên quan đến hoạt động bán nền và bán căn hộ chung cư thì hàng năm Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình ghi nhận doanh thu, giá vốn theo kế hoạch và từng bước điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp của dự án theo số liệu ước tính. Theo giải thích của Công ty, sở dĩ có tình trạng trên là do từ năm 2003 trở về trước các chuẩn mực kế toán chưa được ban hành đầy đủ và cũng chưa có các hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và chi phí cho hoạt động này. Việc ghi nhận doanh thu và chi phí như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước chấp nhận.
- Trong năm, Công ty mẹ đã nhận được kết luận Thanh tra của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Theo kết luận thanh tra, lợi nhuận tăng thêm từ Dự án đầu tư xây dựng kinh doanh khu phụ trợ nhà ở và Dự án xây dựng Khu công nghiệp Tân Bình là 32.429.988.412 VND (được tính toán dựa trên số tiền đã thu và phải thu của những hợp đồng đã ký kết trong giai đoạn còn là doanh nghiệp Nhà

nước và các chi phí dự kiến sẽ phát sinh thêm cho dự án). Công ty mẹ phải nộp bổ sung ngân sách Nhà nước 27.271.988.412 VND và được trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 5.158.000.000 VND.

Công ty mẹ đã điều chỉnh số đầu năm các chi tiêu Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và Quỹ khen thưởng, phúc lợi đồng thời ghi nhận vào giá vốn trong năm tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình số tiền tương ứng với lợi nhuận tăng thêm theo kết luận thanh tra để dứt điểm giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước (xem thuyết minh số VIII.3 về việc điều chỉnh số đầu năm).

Theo chúng tôi:

- Việc ghi nhận doanh thu và chi phí cho các hoạt động cho thuê đất tại khu công nghiệp, bán nền đất và bán căn hộ chung cư như trên là chưa phù hợp với hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 14 – Doanh thu và thu nhập khác. Theo đó, doanh thu cho thuê đất được ghi nhận theo số tiền thuê hàng năm, doanh thu bán nền đất và bán căn hộ chung cư được ghi nhận khi đã bàn giao nền và căn hộ. Giá vốn là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tạo ra doanh thu và được ghi nhận phù hợp với doanh thu.
- Cũng xuất phát từ hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 14, khoản lợi nhuận tăng thêm từ việc cho thuê đất theo kết luận thanh tra phải được ghi giảm lợi nhuận theo thời gian hiệu lực còn lại của các hợp đồng tính từ khi Công ty mẹ chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần (từ ngày 18 tháng 7 năm 2006), lợi nhuận tăng thêm từ bán nền đất, bán căn hộ chung cư được giảm lợi nhuận khi bàn giao nền, căn hộ cho người mua.

Do việc ghi nhận doanh thu và chi phí của Công ty mẹ đã phát sinh từ nhiều năm về trước và khối lượng hợp đồng đã ký kết rất lớn và phức tạp nên chúng tôi không thể định lượng được ảnh hưởng của việc chưa tuân thủ hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 14 nêu trên đến các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề chưa thống nhất nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh XNK Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Nguyễn Mai Tiểu Hương - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0191/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh XNK Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005032 ngày 18 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 6 về việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	VND	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (Công ty XNK và đầu tư Chợ Lớn)	23.110.010.000	19,26
Các cổ đông khác	96.889.990.000	80,74
Cộng	120.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 3.8.641.885

Fax : 3.8.642.060

Website : www.tanimex.com.vn

Mã số thuế : 0301464904

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	108 Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu	64 – 66 Trần Phú, Phường 5, Thành phố Vũng Tàu
Chi nhánh Long An	Ấp Lộc An, Xã Lộc Giang, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu; dịch vụ nhà hàng, khách sạn, kiều hối; kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế; Đầu tư và hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu; Đầu tư và hợp tác đầu tư xây dựng: nhà, xưởng sản xuất các mặt hàng để xuất khẩu; Thi công xây dựng: các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, cấp thoát nước và cây xanh (gồm mới và duy tu), các công trình thủy lợi, hệ thống chiếu sáng; kinh doanh kho hàng, xưởng sản xuất và giao nhận hàng; Dịch vụ: thể dục, thể thao (sân tennis, hồ bơi và các loại hình thể dục, thể thao giải trí khác); Sản xuất, gia công khung kèo thép, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất, xây dựng và tiêu dùng; Lắp dựng khung kéo thép; San lấp mặt bằng; Vận chuyển hàng hóa, đại lý vận tải; Mua bán vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản; kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây, chăm sóc cây xanh); Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Duy tu nạo vét cống rãnh; Sản xuất và mua bán nước tinh khiết; Sản xuất suất ăn công nghiệp; Dịch vụ rửa xe; Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng; Sản xuất, chế biến và mua bán các loại thực phẩm, thức ăn gia súc, thủy hải sản; Đào tạo dạy nghề; Sửa chữa, bảo trì ô tô và xe cơ giới các loại; Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ và thi công các hệ thống xử lý nước thải, nước tinh khiết, khí thải và các tác nhân gây ô nhiễm môi trường; Trồng rừng; Khai thác cát đen; Khai thác đất sét; Sản xuất gạch ngói và nguyên vật liệu xây dựng; Lập tổng dự toán và dự toán công trình; Tư vấn đấu thầu;

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Lập dự án đầu tư; Thẩm tra thiết kế và dự toán; Khai thác và xử lý nước ngầm; Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng; Dịch vụ quảng cáo thương mại; Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai thuê hải quan; Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại; Kinh doanh khai thác và quản lý chợ; Cho thuê cao ốc văn phòng; Dịch vụ môi giới, quản lý, định giá, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản; Quảng cáo.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang ... đến trang ...).

Lợi nhuận năm 2008 được phân phối theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 11 tháng 4 năm 2009 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 11 tháng 4 năm 2009 như sau:

- Bỏ sung thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn vào quỹ đầu tư phát triển.
- Chia cổ tức: 17%
- Phần lợi nhuận còn lại phân phối cho các quỹ
 - + Quỹ đầu tư phát triển 20%
 - + Quỹ dự phòng tài chính 10%
 - + Quỹ khen thưởng 5%
 - + Quỹ phúc lợi 5%
 - + Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát 2.043.124.068 VND
 - + Quỹ chính sách xã hội 1.246.537.065 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 25 tháng 11 năm 2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 144/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 9 năm 2009 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch	15 tháng 7 năm 2006	-
Ông Nguyễn Văn Ngoãn	Phó Chủ tịch	15 tháng 7 năm 2006	-
Ông Lê Trọng Lập	Thành viên	15 tháng 7 năm 2006	-
Ông Vương Thiên Báu	Thành viên	15 tháng 7 năm 2006	-
Ông Trần Quang Trường	Thành viên	15 tháng 7 năm 2006	-
Ông La Ngọc Thông	Thành viên	15 tháng 7 năm 2006	-
Bà Trần Thị Lan	Thành viên	29 tháng 3 năm 2008	-
Ông Trương Thế Kiệt	Thành viên	29 tháng 3 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Chí Thanh	Trưởng ban	15 tháng 7 năm 2006	-
Bà Nguyễn Thị Minh Anh	Thành viên	15 tháng 7 năm 2006	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Quang Thanh	Thành viên	15 tháng 7 năm 2006	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Tổng Giám đốc	18 tháng 7 năm 2006	-
Ông Nguyễn Văn Ngoãn	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 7 năm 2006	-
Ông Lê Trọng Lập	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 7 năm 2006	-
Ông Trần Quang Trường	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 7 năm 2006	-
Ông Vương Thiên Báu	Kế toán trưởng	18 tháng 7 năm 2006	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

Ngày tháng ... năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		461,290,505,836	402,642,649,152
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24,553,974,815	27,405,720,137
1. Tiền	111		24,553,974,815	27,405,720,137
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		253,210,290,154	290,552,973,490
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	253,210,290,154	290,552,973,490
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30,206,754,932	50,115,151,311
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	3,578,839,824	2,638,602,470
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	11,575,723,720	6,922,026,836
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	15,052,191,388	40,554,522,005
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	148,306,502,133	33,621,916,372
1. Hàng tồn kho	141		148,306,502,133	33,621,916,372
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,012,983,802	946,887,842
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	15,417,850	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,204,309,587	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	3,793,256,365	946,887,842

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		491,213,199,236	714,639,139,827
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		70,928,195,102	86,796,862,769
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.9	28,566,308,395	31,940,027,760
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.10	42,361,886,707	54,856,835,009
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		316,763,137,006	521,448,302,319
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	109,261,859,063	93,302,777,098
Nguyên giá	222		208,282,172,922	175,625,234,188
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99,020,313,859)	(82,322,457,090)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	33,916,584,193	29,533,915,879
Nguyên giá	228		243,088,737,124	228,434,439,465
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(209,172,152,931)	(198,900,523,586)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	173,584,693,750	398,611,609,342
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	29,184,917,707	33,969,528,029
Nguyên giá	241		44,354,570,913	54,198,737,511
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(15,169,653,206)	(20,229,209,482)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		73,909,199,101	71,256,542,894
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	21,000,000,000	27,800,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	49,850,000,000	36,000,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	16,883,055,294	24,935,505,294
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(13,823,856,193)	(17,478,962,400)
V. Tài sản dài hạn khác	260		427,750,320	1,167,903,816
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	422,750,320	1,162,903,816
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	5,000,000	5,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		952,503,705,072	1,117,281,788,979
			-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		525,418,692,962	714,660,859,372
I. Nợ ngắn hạn		310		105,330,162,030	115,097,542,092
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	36,864,100,000	15,593,877,864
2.	Phải trả người bán	312	V.22	14,587,601,229	11,620,600,602
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.23	4,726,023,930	3,757,135,757
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	9,299,193,993	9,467,982,599
5.	Phải trả người lao động	315	V.25	7,049,772,601	4,574,875,831
6.	Chi phí phải trả	316	V.26	13,155,802,586	12,540,337,873
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	19,647,667,691	57,542,731,566
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn		330		420,088,530,932	599,563,317,280
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.28	362,479,161,575	543,666,877,440
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.29	57,515,532,612	55,801,175,845
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.30	93,836,745	95,263,995
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		427,085,012,110	402,620,929,607
I. Vốn chủ sở hữu		410		427,031,272,550	394,238,806,597
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	120,000,000,000	120,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.31	210,352,860,000	225,451,406,000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	35,129,023,148	36,025,695,165
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	7,209,257,208	11,863,705,432
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.31	226,196,555	898,000,000
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	54,113,935,639	-
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		53,739,560	8,382,123,010
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.32	53,739,560	8,382,123,010
2.	Nguồn kinh phí	432		-	-
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		952,503,705,072	1,117,281,788,979
				-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.33	290,315,632	290,315,632
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		5,434.77	8,483.50
Euro (EUR)		24,669.00	24,669.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2009

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Vương Thiên Báu
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP				
Năm 2009				
Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	258,369,866,263	254,385,906,998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	258,369,866,263	254,385,906,998
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	176,903,047,429	173,419,745,807
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81,466,818,834	80,966,161,191
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	28,697,414,131	58,917,935,235
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,647,833,572	29,949,742,170
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,692,433,693	9,240,265,868
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	23,362,502,138	40,420,276,653
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	18,479,069,285	16,788,468,077
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		65,674,827,970	52,725,609,526
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3,883,136,366	2,780,659,966
12. Chi phí khác	32	VI.8	3,666,161,063	48,272,703
13. Lợi nhuận khác	40		216,975,303	2,732,387,263
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65,891,803,273	55,457,996,789
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	11,277,867,634	3,428,229,640
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54,613,935,639	52,029,767,149
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2009

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Vương Thiên Báu
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		116,557,907,272	199,814,369,410
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(113,609,868,877)	(277,973,427,859)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15,132,737,874)	(15,137,669,906)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6,662,988,693)	(11,973,666,412)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.24	(12,132,608,725)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		711,298,814,033	960,653,306,777
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(641,837,412,409)	(983,431,913,706)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38,481,104,727	(128,049,001,696)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(120,436,135,571)	(3,187,741,385)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		179,572,728	10,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(27,880,000,000)	(73,105,964,466)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		60,930,690,950	79,502,264,945
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(7,133,050,000)	(22,796,680,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31,359,933,141	45,960,032,212
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(62,978,988,752)	26,381,911,306

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	164,000,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.29	33,374,065,952	11,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21, 29	(10,389,487,049)	(49,290,152,569)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,338,440,200)	(26,498,069,289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21,646,138,703	99,211,778,142
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2,851,745,322)	(2,455,312,248)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	27,405,720,137	29,958,714,046
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(97,681,661)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	24,553,974,815	27,405,720,137
			-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2009

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Vương Thiên Báu
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Phụ lục 1: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lí	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	74,546,602,386	916,413,082	15,744,231,697	3,323,423,451	2,516,449,091	78,578,114,481	175,625,234,188
Tăng trong năm	21,418,825,856	-	-	198,526,904	-	13,280,468,890	34,897,821,650
Mua sắm mới	1,696,096,020	-	-	137,071,904	-	13,280,000	1,846,447,924
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	19,722,729,836	-	-	-	-	13,267,188,890	32,989,918,726
Tăng khác	-	-	-	61,455,000	-	-	61,455,000
Thanh lý, nhượng bán	(510,077,627)	(869,592,037)	(511,533,767)	(123,809,996)	-	(225,869,489)	(2,240,882,916)
Số cuối năm	95,455,350,615	46,821,045	15,232,697,930	3,398,140,359	2,516,449,091	91,632,713,882	208,282,172,922
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	727,068,403	-	3,520,989,157	1,380,153,039	397,945,148	7,590,800,493	13,616,956,240
Giá trị khấu hao							
Số đầu năm	26,302,849,696	612,049,719	8,872,929,183	2,232,357,653	1,056,676,524	43,245,594,315	82,322,457,090
Khấu hao trong năm	7,376,443,184	32,911,737	1,522,041,645	443,656,591	269,619,556	9,007,235,294	18,651,908,007
Thanh lý, nhượng bán	(510,077,627)	(604,271,752)	(511,533,767)	(123,809,996)	-	(204,358,096)	(1,954,051,238)
Số cuối năm	33,169,215,253	40,689,704	9,883,437,061	2,552,204,248	1,326,296,080	52,048,471,513	99,020,313,859
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	48,243,752,690	304,363,363	6,871,302,514	1,091,065,798	1,459,772,567	35,332,520,166	93,302,777,098
Số cuối năm	62,286,135,362	6,131,341	5,349,260,869	845,936,111	1,190,153,011	39,584,242,369	109,261,859,063
Trong đó:							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lí	-	-	-	-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2009

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Vương Thiên Báu
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Phụ lục 2: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào giá vốn trong năm	Giảm do kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	Giảm khác	Cộng
Chi phí xây dựng cơ bản tại Ban đầu tư kinh doanh							
hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	276,343,445,501	123,285,374,433	(47,035,574,749)	-	(244,382,321,852)	(14,189,537,455)	94,021,385,878
Công trình Khu công nghi ệ Tân Bình	6,814,295,746	18,257,757,722	(1,526,846,363)	-	(16,486,801,449)	(5,678,036,494)	1,380,369,162
Công trình Khu công nghi ệp Tân Bình mở rộng	78,366,570,562	56,852,855,238	(26,543,552,004)	-	(18,862,965,974)	(7,620,403,950)	82,192,503,872
Công trình dân cư phụ trợ Khu công nghiệp	71,699,869,030	5,274,754,509	-	-	(76,974,623,539)	-	-
Công trình nhóm chung cư Tây Thạnh	38,997,731,149	97,414,723	-	-	(39,095,145,872)	-	-
Công trình nhóm chung cư Sơn Kỳ	80,375,805,710	12,528,459,308	-	-	(92,904,265,018)	-	-
Công trình nhóm chung cư Lê Trọng Tấn	-	58,520,000	-	-	(58,520,000)	-	-
Công trình tiện ích công cộng	89,173,304	801,923,707	-	-	-	(891,097,011)	-
Công trình kho xưởng	-	28,059,867,287	(18,965,176,382)	-	-	-	9,094,690,905
Công trình nhà ở cho người lao động	-	322,945,455	-	-	-	-	322,945,455
Trường học Sơn Kỳ	-	120,960,818	-	-	-	-	120,960,818
Văn phòng 108 Tây Thạnh	-	184,869,953	-	-	-	-	184,869,953
Văn phòng Khu công nghi ệp Tân Bình	-	700,519,714	-	-	-	-	700,519,714
Văn phòng Lê Trọng Tấn	-	24,525,999	-	-	-	-	24,525,999
Chi phí xây dựng cơ bản tại							
Văn phòng Công ty	89,838,175,429	2,971,723,547	(608,641,636)	-	(27,272,727)	(12,610,676,741)	79,563,307,872
Khu công nghiệp Đông Thạnh-Hóc Môn	441,446,364	-	-	-	-	-	441,446,364
Trung tâm thương mại chợ Tân Bình	337,660,529	8,964,500	-	-	-	-	346,625,029
Trung tâm thương mại Ngã tư ga	702,283,386	605,025,908	-	-	-	-	1,307,309,294
Tanibuilding (201-203 LTK)	75,334,498,477	988,745,208	-	-	-	-	76,323,243,685
Chung cư Lê Trọng Tấn	58,520,000	-	-	-	-	(58,520,000)	-
Tanihotel (261 Hoàng Văn Thụ)	63,078,114	39,459,100	-	-	-	-	102,537,214
Nhà văn phòng Khu công nghiệp Tân Bình	629,792,441	-	-	-	-	(629,792,441)	-
Sân Giao dịch Bất động sản Taniland	351,981,818	256,659,818	(608,641,636)	-	-	-	-
Tổng kho-xưởng Khu công nghiệp Tân Bình 2	11,891,253,301	-	-	-	-	(11,891,253,301)	-
Tanioffice Tây Thạnh	22,410,000	4,625,000	-	-	-	(27,035,000)	-
Tanioffice Lê Trọng Tấn	4,075,999	-	-	-	-	(4,075,999)	-
TTVH Ao đôi (Dân cư 6)	1,175,000	5,779,090	-	-	-	-	6,954,090
Chung cư Thoại Ngọc Hầu	-	27,272,727	-	-	(27,272,727)	-	-
Trang trại Long An	-	118,340,000	-	-	-	-	118,340,000
Chi Nhánh Long An	-	916,852,196	-	-	-	-	916,852,196
Điều chỉnh theo Kết luận thanh tra	32,429,988,412	-	-	(32,429,988,412)	-	-	-
Cộng	398,611,609,342	126,257,097,980	(47,644,216,385)	(32,429,988,412)	(244,409,594,579)	(26,800,214,196)	173,584,693,750

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2009

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Vương Thiên Báu
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

Riêng năm tài chính 2009 của Công ty chỉ bao gồm 9 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2009 do đây là năm đầu tiên Công ty thay đổi ngày kết thúc năm tài chính.

- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 15
Máy móc và thiết bị	7
Phương tiện vận tải	6 – 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 4
Cây lâu năm	7
Tài sản cố định khác	4 - 7

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
Nhà trên đất	8 - 35
Quyền sử dụng đất	50

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất như sau:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Số năm</u>
San lấp mặt bằng	5 - 7
Kinh phí đền bù	5 - 7
Quyền sử dụng đất	50

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng và chi phí khác

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Theo hướng dẫn tại khoản 1 điều 36 chương V Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty nhà nước thành công ty cổ phần thì “doanh nghiệp sau cổ phần hóa được hưởng các ưu đãi như đối với doanh nghiệp được mới thành lập mới theo quy định của pháp luật về khuyến khích đầu tư mà không cần phải làm thủ tục cấp chứng nhận ưu đãi đầu tư”. Dựa vào căn cứ nêu trên và theo khoản 1.2 mục III phần E Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm tiếp theo. Công ty đã đăng ký với Cục thuế TP. Hồ Chí Minh xin được hưởng ưu đãi bắt đầu từ năm 2007.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD
30/9/2009 : 16.991 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình:
 - Doanh thu cho thuê đất: ghi nhận theo kế hoạch doanh thu thực thu trong năm.
 - Doanh thu bán nền đất và doanh thu bán chung cư: ghi nhận doanh thu sau khi có sổ hồng đối với doanh thu bán chung cư và nền đất kinh doanh. Đối với doanh thu nền ưu đãi và nền tái bố trí doanh thu được ghi nhận theo kế hoạch.
- Tại Văn phòng Công ty và các chi nhánh:
 - Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
 - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.521.240.039	6.453.006.993
Tiền gửi ngân hàng	22.032.734.776	20.952.713.144
Cộng	24.553.974.815	27.405.720.137

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng	249.710.290.154	290.552.973.490
Cho các cá nhân vay	3.500.000.000	-
Cộng	253.210.290.154	290.552.973.490

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	1.181.746.734	1.690.682.413
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	2.397.093.090	947.920.057
Cộng	3.578.839.824	2.638.602.470

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	853.289.301	3.074.730.155
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	10.722.434.419	3.847.296.681
Cộng	11.575.723.720	6.922.026.836

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu Bà Nguyễn Thị Kim Hải - tiền cho vay và tiền lãi	-	2.584.166.667
Phải thu tiền cho mượn và cổ tức tại các Công ty con:	3.729.873.974	29.720.457.879
<i>Công ty TNHH MTV TM DV XNK Tân Bình (Tanicom)</i>	270.602.740	2.819.999.770
<i>Công ty TNHH MTV SX DV Tân Bình (Taniservice)</i>	762.904.110	6.960.000.000
<i>Công ty TNHH MTV XD cơ khí Tân Bình (Tanicons)</i>	2.314.915.069	16.183.463.600
<i>Công ty TNHH MTV Khai thác SX VLXD Tân Bình (Tanima)</i>	-	1.139.994.509
<i>Công ty TNHH MTV SX TM DV Tân Bình (Tanitrade)</i>	381.452.055	2.617.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cho vay vốn lưu động Công ty TNHH MTV TM DV y tế Tân Bình (Tanimedi)	-	500.000.000
Phải thu Công ty XNK và Đầu tư Chợ Lớn - tiền chuyển nhượng cổ phần	1.950.000.000	-
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	2.284.356.970	6.427.650.000
Thuế thu nhập các nhân còn phải thu của nhân viên	-	180.402.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động kinh doanh bất động sản (2%)	6.688.840.704	-
Các khoản phải thu khác	399.119.740	1.141.845.059
Cộng	15.052.191.388	40.554.522.005

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	130.170.702.623	-
Hàng hóa	17.643.178.518	17.620.327.734
Hàng hóa bất động sản	492.620.992	16.001.588.638
Cộng	148.306.502.133	33.621.916.372

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí di dời văn phòng Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	-	801.979.791	(801.979.791)	-
Chi phí điều hành và chi phí khác tại chi nhánh Long An	-	25.840.182	(25.840.182)	-
Chi phí khác	-	32.508.524	(17.090.674)	15.417.850
Cộng	-	860.328.497	(844.910.647)	15.417.850

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chưa rõ nguyên nhân	-	2.483.636
Tạm ứng	1.572.581.000	86.622.300
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.220.675.365	857.781.906
Cộng	3.793.256.365	946.887.842

9. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	18.912.466.026	19.891.202.499
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	9.653.842.369	12.048.825.261
Cộng	28.566.308.395	31.940.027.760

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền vay các Công ty con:	27.984.319.363	41.889.463.609
<i>Công ty TNHH MTV TM DV XNK Tân Bình (Tanicom)</i>	488.393.370	3.129.393.370
<i>Công ty TNHH MTV SX DV Tân Bình (Taniservice)</i>	-	5.956.427.577
<i>Công ty TNHH MTV XD cơ khí Tân Bình (Tanicons)</i>	-	2.507.716.669
<i>Công ty TNHH MTV Khai thác SX VLXD Tân Bình (Tanima)</i>	27.495.925.993	30.295.925.993
Phải thu Ông Nguyễn Công Xuân tiền đặt cọc hứa chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.705.000.000	12.705.000.000
Phải thu dài hạn khác	1.672.567.344	262.371.400
Cộng	<u>42.361.886.707</u>	<u>54.856.835.009</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Xem Phụ lục số 1.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>San lấp mặt bằng</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Kinh phí đền bù</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.466.080.200	69.563.827.691	87.450.000	153.317.081.574	228.434.439.465
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản chuyển sang	-	14.654.297.659	-	-	14.654.297.659
Số cuối năm	<u>5.466.080.200</u>	<u>84.218.125.350</u>	<u>87.450.000</u>	<u>153.317.081.574</u>	<u>243.088.737.124</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	51.767.044.151	-	125.948.042.083	177.715.086.234
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	582.336.631	59.150.965.165	37.895.000	139.129.326.790	198.900.523.586
Khấu hao trong năm	81.991.203	6.071.164.711	13.117.500	4.105.355.931	10.271.629.345
Số cuối năm	<u>664.327.834</u>	<u>65.222.129.876</u>	<u>51.012.500</u>	<u>143.234.682.721</u>	<u>209.172.152.931</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.883.743.569	10.412.862.526	49.555.000	14.187.754.784	29.533.915.879
Số cuối năm	<u>4.801.752.366</u>	<u>18.995.995.474</u>	<u>36.437.500</u>	<u>10.082.398.853</u>	<u>33.916.584.193</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Xem Phụ lục số 2.

14. Bất động sản đầu tư

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhà</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	22.489.928.479	31.708.809.032	54.198.737.511
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(9.844.166.598)	(9.844.166.598)
Số cuối năm	22.489.928.479	21.864.642.434	44.354.570.913
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	337.348.927	19.891.860.555	20.229.209.482
Khấu hao trong năm	337.348.927	1.074.740.861	1.412.089.788
Thanh lý, nhượng bán trong năm	-	(6.471.646.064)	(6.471.646.064)
Số cuối năm	674.697.854	14.494.955.352	15.169.653.206
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	22.152.579.552	11.816.948.477	33.969.528.029
Số cuối năm	21.815.230.625	7.369.687.082	29.184.917.707

15. Đầu tư vào công ty con

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)</u>		<u>Vốn đã đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty TNHH MTV TM DV XNK Tân Bình (Tanicom)	100	100	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV SX DV Tân Bình (Taniservice)	100	100	6.000.000.000
Công ty TNHH MTV XD cơ khí Tân Bình (Tanicons)	100	100	6.000.000.000
Công ty TNHH MTV Khai thác SX VLXD Tân Bình (Tanima)	100	100	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV SX TM DV Tân Bình (Tanitrade)	100	100	3.000.000.000
Cộng			21.000.000.000

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)</u>		<u>Vốn đã đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty Cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	40	40	36.000.000.000
Công ty Cổ phần Kiến trúc Tân Bình	44,44	44,44	8.000.000.000
Công ty Cổ phần thương mại du lịch Mimosaxanh	45	45	5.850.000.000
Cộng			49.850.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu	4.658.055.294	2.710.505.294
Đầu tư trái phiếu	205.000.000	205.000.000
Cho vay dài hạn	-	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	12.020.000.000	12.020.000.000
Cộng	16.883.055.294	24.935.505.294

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	-	(195.630.000)
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh (*)	(10.749.680.903)	(11.819.543.754)
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn</i>	<i>(8.206.304.598)</i>	<i>(11.819.543.754)</i>
<i>Công ty Cổ phần Kiểng Tân Bình</i>	<i>(2.466.662.742)</i>	-
<i>Công ty Cổ phần thương mại du lịch Mimosza xanh</i>	<i>(76.713.563)</i>	-
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác – Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long (*)	(3.074.175.290)	(5.463.788.646)
Cộng	(13.823.856.193)	(17.478.962.400)

(*) Công ty đang trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn dựa vào giá trị sổ sách của các Công ty này. Số liệu trên Báo cáo tài chính mà Công ty làm cơ sở lập dự phòng của các đơn vị này chưa được kiểm toán.

19. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí công cụ	5.474.000	(5.474.000)	-
Tiền thuê đất	227.230.000	(56.807.500)	170.422.500
Chi phí sửa chữa văn phòng	534.316.504	(363.440.339)	170.876.165
Chi phí khác	395.883.312	(314.431.657)	81.451.655
Cộng	1.162.903.816	(740.153.496)	422.750.320

20. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn cá nhân	3.105.600.000	3.105.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.29)	10.575.500.000	12.488.277.864
Trái phiếu đến hạn trả (xem thuyết minh số V.29)	23.183.000.000	-
Cộng	36.864.100.000	15.593.877.864

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cho các cá nhân vay không có tài sản đảm bảo, thời hạn vay 1 năm với lãi suất 1%/tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn cá nhân	3.105.600.000	-	-	3.105.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả	12.488.277.864	(6.197.435.000)	4.284.657.136	10.575.500.000
Trái phiếu đến hạn trả	-	-	23.183.000.000	23.183.000.000
Cộng	15.593.877.864	(6.197.435.000)	27.467.657.136	36.864.100.000

22. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	447.612.776	8.561.425.624
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	14.139.988.453	3.059.174.978
Cộng	14.587.601.229	11.620.600.602

23. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	3.957.742.658	3.757.135.757
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>2.171.748.555</i>	<i>2.141.748.555</i>
<i>Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình</i>	<i>1.785.994.103</i>	<i>1.615.387.202</i>
Doanh thu chưa thực hiện	768.281.272	-
Cộng	4.726.023.930	3.757.135.757

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.859.417.046	16.085.825.473	(21.945.115.186)	127.333
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.428.229.640	11.277.867.634	(12.132.608.725)	2.573.488.549
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính 2%	-	6.688.840.704	-	6.688.840.704
Thuế thu nhập cá nhân	180.335.913	122.938.670	(266.537.176)	36.737.407
Tiền thuê đất	-	141.326.786	(141.326.786)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.787.264	(1.787.264)	-
Cộng	9.467.982.599	34.323.586.531	(34.492.375.137)	9.299.193.993

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Phí tiện ích công cộng và tiền sử dụng đất	Không chịu thuế
Nền đất ưu đãi, chung cư	5%
Phí duy tu, thuê mặt bằng, kho xưởng....	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.891.803.273	55.457.996.789
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>1.032.155.010</i>	<i>3.755.191.573</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(2.479.000.374)</i>	<i>(4.413.747.544)</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	64.444.957.909	54.799.440.818
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	16.111.239.477	16.297.678.699
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(4.833.371.843)	(12.869.449.059)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.277.867.634	3.428.229.640

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương kỳ 2 tháng 12 năm 2008	-	647.870.510
Lương tháng 13	1.181.000.000	986.525.000
Lương hiệu quả kinh doanh	3.543.000.000	2.883.094.000
Dự phòng 17% quỹ lương	2.165.715.620	-
Quỹ lương thừa chưa chi hết	160.056.981	57.386.321
Cộng	7.049.772.601	4.574.875.831

26. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí duy tu bảo dưỡng	12.404.889.859	10.569.782.873
Trái tức phải trả	-	1.970.555.000
Chi phí khác	750.912.727	-
Cộng	13.155.802.586	12.540.337.873

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.458.124	21.703.442
Bảo hiểm xã hội	959.503	26.840
Bảo hiểm y tế	149.841.881	149.703.626
Cổ tức phải trả	184.830.400	1.523.270.600
Trái tức phải trả	1.481.753.850	3.837.600
Phải trả Ông Phạm Minh Quân tiền hợp tác kinh doanh dự án Trung tâm thể dục thể thao Hóc Môn	-	27.650.560.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận tiền bồi thường bảo hiểm	110.551.967	110.551.967
Tiền đặt cọc mua tòa nhà 201-203 Lý Thường Kiệt	16.900.000.000	-
Phải trả theo Kết luận thanh tra	-	27.271.988.412
Phải trả khác	817.271.966	811.089.079
Cộng	19.647.667.691	57.542.731.566

28. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh - vốn do Ngân sách cấp	16.657.178.330	16.431.945.824
Phải trả tiền sử dụng đất các hộ dân	-	236.701.964
Doanh thu chưa thực hiện	311.283.758.969	354.408.337.024
- Tiền thuê đất	83.396.030.588	101.203.680.601
- Phí tiện ích công cộng	-	724.347.510
- Tiền chung cư	123.234.916.949	212.882.845.102
- Tiền nền đất	104.652.811.432	39.597.463.811
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	29.197.393.570	168.401.541.163
- Tiền nền đất	5.343.731.000	26.343.549.000
- Tiền chung cư	-	16.620.449.000
- Tiền thuê kho xưởng	11.906.110.458	5.559.594.698
- Tiền nền ưu đãi	513.625.000	77.253.133.350
- Tiền nền tái bố trí	-	21.695.475.580
- Tiền thuê đất Khu công nghiệp mở rộng	544.835.122	544.835.122
- Tiền nền ưu đãi Khu công nghiệp mở rộng	226.786.350	-
- Tiền nền tái bố trí Khu công nghiệp mở rộng	10.607.705.640	-
- Tiền mua đất dự án Ấp Mới và K82	-	20.117.781.913
- Khác	54.600.000	266.722.500
Phải trả dài hạn khác	5.340.830.706	4.188.351.465
Cộng	362.479.161.575	543.666.877.440

29. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng ^(a)	57.515.532.612	32.618.175.845
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	38.770.530.774	6.684.464.822
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây	18.745.001.838	25.933.711.023
Trái phiếu thường ^(b)	-	23.183.000.000
Cộng	57.515.532.612	55.801.175.845

(a) Khoản vay tại các Ngân hàng này để xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Tân Bình và để mua máy móc thiết bị. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (b) Trái phiếu thường phát hành với kỳ hạn 3 năm, lãi suất 8,5%/năm. Thanh toán gốc trái phiếu vào ngày đáo hạn và lãi trái phiếu thanh toán định kỳ hàng năm.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	68.091.032.612	10.575.500.000	57.515.532.612
Trái phiếu thường	23.183.000.000	23.183.000.000	-
Cộng	91.274.032.612	33.758.500.000	57.515.532.612

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	32.618.175.845	33.374.065.952	(4.192.052.049)	(4.284.657.136)	57.515.532.612
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	6.684.464.822	33.374.065.952	(2.595.777.864)	1.307.777.864	38.770.530.774
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây	25.933.711.023	-	(1.596.274.185)	(5.592.435.000)	18.745.001.838
Trái phiếu thường	23.183.000.000	-	-	(23.183.000.000)	-
Cộng	55.801.175.845	33.374.065.952	(4.192.052.049)	(27.467.657.136)	57.515.532.612

30. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	95.263.995
Số chi trong năm	(1.427.250)
Số cuối năm	93.836.745

31. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 3.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Điều lệ Công ty		Vốn điều lệ đã đầu tư (VND)	Vốn điều lệ còn phải đầu tư (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Vốn đầu tư của Nhà nước	23.110.010.000	19,26	23.110.010.000	-
Vốn góp của các cổ đông khác	96.889.990.000	80,74	96.889.990.000	-
Cộng	120.000.000.000	100,00	120.000.000.000	-

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	23.110.010.000	23.110.010.000
Vốn góp của các cổ đông khác	96.889.990.000	96.889.990.000
Thặng dư vốn cổ phần	210.352.860.000	225.451.406.000
Cộng	330.352.860.000	345.451.406.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	1.338.440.200
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	1.338.440.200

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trong đó bao gồm thù lao và các chi phí hợp lý liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm	1.695.043.928	6.687.079.082	8.382.123.010
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	500.000.000	500.000.000
Tăng do phân loại lại	945.626.289	1.800.000.000	2.745.626.289
Tăng khác	-	103.073.851	103.073.851
Chi quỹ trong năm	(805.305.000)	(2.968.152.301)	(3.773.457.301)
Chi quỹ theo Kết luận thanh tra	-	(5.158.000.000)	(5.158.000.000)
Giảm do phân loại lại	(1.800.000.000)	(945.626.289)	(2.745.626.289)
Số cuối năm	35.365.217	18.374.343	53.739.560

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**33. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công**

Các công cụ dụng cụ và tài sản nhận giữ hộ và chờ bàn giao cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Vũng Tàu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	258.369.866.263	254.385.906.998
- Doanh thu bán hàng hóa	109.039.350	1.237.181.945
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.194.560.253	50.343.703.104
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	207.066.266.660	202.805.021.949
Doanh thu thuần	258.369.866.263	254.385.906.998

Trong tổng doanh thu phát sinh năm nay và năm trước, có doanh thu tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình với số tiền doanh thu lần lượt là 198.226.276.507 VND và 168.267.822.865 VND.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	53.434.930	470.193.465
Giá vốn cung cấp dịch vụ	43.711.624.879	35.363.959.895
Giá vốn kinh doanh bất động sản	133.137.987.620	137.585.592.447
Cộng	176.903.047.429	173.419.745.807

Trong tổng giá vốn hàng bán phát sinh năm nay và năm trước, có giá vốn tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình với số tiền giá vốn lần lượt là 158.965.017.450 VND và 124.902.168.088 VND.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	20.723.450.906	45.766.936.992
Lãi tiền cho vay	1.426.661.754	5.428.248.438
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	12.900.000	35.200.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	416.226.400	1.850.547.544
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	264.548.974	1.002.151.490
Lãi phạt trả chậm	3.077.520.679	2.276.263.377
Lợi nhuận từ các công ty con	2.049.873.974	2.528.000.000
Lãi bán cổ phiếu	412.027.000	-
Lãi góp vốn kinh doanh	314.204.444	-
Doanh thu tài chính khác	-	30.587.394
Cộng	28.697.414.131	58.917.935.235

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay ngân hàng	2.947.431.443	5.600.782.461
Lãi vay huy động vốn	1.745.002.250	3.639.483.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	872.235.724	1.411.711.801
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.655.106.207)	17.250.462.400
Chi phí bảo lãnh ngân hàng	682.500.000	610.099.751
Chi phí tài chính khác	55.770.362	1.437.202.350
Cộng	2.647.833.572	29.949.742.170

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.714.317.826	6.192.780.010
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	230.221.985	695.538.411
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.620.941.422	2.286.706.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.859.819.525	24.985.224.361
Chi phí bằng tiền khác	5.937.201.380	6.260.027.209
Cộng	23.362.502.138	40.420.276.653

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	12.648.772.010	8.319.029.548
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	3.349.287	102.927.273
Chi phí đồ dùng văn phòng	646.223.230	1.018.301.934
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.620.941.418	2.287.206.670
Thuế, phí và lệ phí	63.599.533	152.122.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.178.226.203	946.592.762
Chi phí bằng tiền khác	2.317.957.604	3.962.287.333
Cộng	18.479.069.285	16.788.468.077

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định và bất động sản	3.552.093.262	10.000.000
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	1.071.000.000
Các khoản nợ không xác định được chủ	-	650.634.811
Tiền thừa nền đất	182.022.850	-
Thu nhập khác	149.020.254	1.049.025.155
Cộng	3.883.136.366	2.780.659.966

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định và bất động sản nhượng bán, thanh lý	3.659.352.212	-
Chi phí khác	6.808.851	48.272.703
Cộng	3.666.161.063	48.272.703

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ bản và thu thanh lý tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản chưa thanh toán	14.846.099.184	7.178.688.851
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	3.372.520.534	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 25 tháng 11 năm 2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 144/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 11 năm 2009 Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.373.802.073	1.835.605.056
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	12.197.927	12.394.944
Phụ cấp	1.050.000	216.000.000
Thưởng	479.000.000	421.000.000
Khác	15.000.000	18.900.000
Cộng	1.881.050.000	2.503.900.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV TM DV XNK Tân Bình (Tanicom)	Công ty con
Công ty TNHH MTV SX DV Tân Bình (Taniservice)	Công ty con
Công ty TNHH MTV XD cơ khí Tân Bình (Tanicons)	Công ty con
Công ty TNHH MTV KT SX VLXD Tân Bình (Tainima)	Công ty con
Công ty TNHH MTV SX TM DV Tân Bình (Tanitrade)	Công ty con
Công ty Cổ phần Kính Tân Bình (Taniglass)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ trọng yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Công ty TNHH MTV SX DV Tân Bình (Taniservice)**

Lãi cho vay	268.233.999
Điều tiết lợi nhuận phải thu	762.904.110
Mua nhiên liệu, dịch vụ cây xanh, ăn uống	2.301.787.291
Cho thuê kho xưởng	3.405.035.571
Bán chung cư	546.233.767
Tiền cho thuê đất phải thu	1.549.084.857
Phí duy tu phải thu	488.730.746
Phí ủy thác chung cư, kho xưởng, nhà lưu trú	2.402.948.763
<i>Chung cư</i>	<i>1.053.914.295</i>
<i>Kho xưởng</i>	<i>1.261.274.468</i>
<i>Nhà lưu trú</i>	<i>87.760.000</i>
Phải trả phí quản lý dự án	321.636.364
Phải trả tiền điều chuyển giá trị kho xưởng, công trình, thuê đất	4.058.267.935

Công ty TNHH MTV XD cơ khí Tân Bình (Tanicons)

Lãi cho vay	372.725.059
Cho vay	1.680.000.000
Điều tiết lợi nhuận phải thu	634.915.069
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	44.165.153.386

Công ty TNHH MTV TM DV XNK Tân Bình (Tanicom)

Lãi cho vay	81.388.887
Tiền thuê mặt bằng phải thu	796.220.000
Điều tiết lợi nhuận phải thu	270.602.740
Bán tài sản cố định	3.372.520.534

Công ty TNHH MTV SX TM DV Tân Bình (Tanitrade)

Phải trả phí ủy thác	1.402.639.735
Cho thuê mặt bằng	367.898.823
Cho vay	4.200.000.000
Điều tiết lợi nhuận phải thu	381.452.055

Công ty TNHH MTV KT SX VLXD Tân Bình (Tainima)

Cho vay	300.000.000
Lãi vay phải thu	5.500.001
Bán đất sét	109.039.350
Bán giao tài sản, công cụ và nguyên liệu	-

Công ty Cổ phần Kiếng Tân Bình (Taniglass)

Cho vay	2.000.000.000
Lãi vay	65.540.000
Phải thu tiền thuê kho xưởng	3.445.538.682

Công ty Cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn

Phí dịch vụ phải trả	39.600.000
----------------------	------------

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV SX DV Tân Bình (Taniservice)		
Phải thu tiền gốc cho vay	-	11.956.427.577
Phải thu tiền điều tiết lợi nhuận	762.904.110	960.000.000
Ứng trước tiền dịch vụ	-	176.900.000
Ứng trước tiền thi công sửa chữa hội quán Khu	-	724.143.667

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
công nghiệp Tân Bình		
Mua chung cư	-	573.000.000
Công ty TNHH MTV XD cơ khí Tân Bình (Tanicons)		
Phải thu tiền gốc cho vay	1.680.000.000	18.691.180.269
Phải thu tiền điều tiết lợi nhuận	634.915.069	-
Công ty TNHH MTV TM DV XNK Tân Bình (Tanicom)		
Phải thu tiền gốc cho vay	-	5.629.393.140
Phải thu tiền mượn mua tài sản cố định	488.393.370	-
Phải thu tiền bán tài sản cố định (kho Sóng Thần)	3.709.772.587	-
Phải thu tiền điều tiết lợi nhuận	270.602.740	320.000.000
Công ty TNHH MTV SX TM DV Tân Bình (Tanitrade)		
Phải thu tiền điều tiết lợi nhuận	381.452.055	480.000.000
Ứng trước phí ủy thác	-	382.873.177
Phải thu tiền gốc cho vay	-	2.137.000.000
Công ty TNHH MTV KT SX VLXD Tân Bình (Tainima)		
Phải thu lãi cho vay	-	1.139.994.509
Phải thu giá trị đầu tư nhà máy	27.495.925.993	30.295.925.993
Phải thu tiền bán đất sét	545.684.199	971.198.405
Công ty Cổ phần Kính Tân Bình (Taniglass)		
Phải thu tiền thuê kho xưởng	1.599.894.534	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn		
Ứng trước phí dịch vụ	5.500.000	-
Cộng nợ phải thu	37.575.044.657	74.441.270.702
 Công ty TNHH MTV XD cơ khí Tân Bình (Tanicons)		
Phải trả tiền xây dựng công trình	11.428.545.150	9.239.779.446
Công ty TNHH MTV SX TM DV Tân Bình (Tanitrade)		
Phải trả phí ủy thác	307.209.876	-
Công ty TNHH MTV KT SX VLXD Tân Bình (Tainima)		
Phải trả các chi phí khác	-	70.466.085
Công ty TNHH MTV TM DV XNK Tân Bình (Tanicom)		
Phải trả tiền ký quỹ thuê nhà xưởng	266.722.500	266.722.500
Công ty TNHH MTV SX DV Tân Bình (Taniservice)		
Phải trả tiền thuê đất	1.746.124.103	-
Phải trả tiền mua tài sản cố định	1.811.358.623	-
Phải trả phí ủy thác	66.000.000	340.694.275
Phải trả tiền điện	36.863.844	-
Phải trả phí duy tu bảo dưỡng	153.579.890	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn</i>		
Phí dịch vụ phải trả	-	45.600.000
Cộng nợ phải trả	<u>15.816.403.986</u>	<u>9.963.262.306</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận giữa các bên.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin so sánh

Báo cáo tài chính năm 2008 bao gồm 12 tháng trong khi Báo cáo tài chính năm 2009 chỉ bao gồm 9 tháng (từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 9 năm 2009) do đây là năm tài chính đầu tiên Công ty thay đổi ngày kết thúc năm tài chính.

Trong năm Công ty đã nhận được Kết luận thanh tra của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh và đã điều chỉnh số liệu theo kết luận này. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh theo kết luận thanh tra đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</u>	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u>
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>			
Tài sản dài hạn	200	682.209.151.415	714.639.139.827
Tài sản cố định	220	489.018.313.907	521.448.302.319
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	366.181.620.930	398.611.609.342
Tổng cộng tài sản	270	1.084.851.800.567	1.117.281.788.979
Nợ phải trả	300	687.388.870.960	714.660.859.372
Nợ ngắn hạn	310	87.825.553.680	115.097.542.092
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	30.270.743.154	57.542.731.566
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	397.462.929.607	402.620.929.607
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	3.224.123.010	8.382.123.010
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	3.224.123.010	8.382.123.010
Tổng cộng nguồn vốn	440	1.084.851.800.567	1.117.281.788.979

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2009

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Vương Thiên Báu
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XNK DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009

Phụ lục 3: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100,000,000,000	82,168,018,000	16,928,413,616	7,747,144,732	1,481,000,000	-	208,324,576,348
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	52,029,767,149	52,029,767,149
Tăng vốn trong năm trước	20,000,000,000	144,000,000,000	-	-	-	-	164,000,000,000
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	19,097,281,549	4,116,560,700	500,000,000	(32,049,303,060)	(8,335,460,811)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(19,980,464,089)	(19,980,464,089)
Giảm khác	-	(716,612,000)	-	-	(1,083,000,000)	-	(1,799,612,000)
Số dư cuối năm trước	120,000,000,000	225,451,406,000	36,025,695,165	11,863,705,432	898,000,000	-	394,238,806,597
Số dư đầu năm nay	120,000,000,000	225,451,406,000	36,025,695,165	11,863,705,432	898,000,000	-	394,238,806,597
Giảm theo Kết luận thanh tra	-	(15,098,546,000)	-	-	-	-	(15,098,546,000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	54,613,935,639	54,613,935,639
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(671,803,445)	-	(671,803,445)
Tạm trích quỹ phúc lợi	-	-	-	-	-	(500,000,000)	(500,000,000)
Giảm theo Biên bản xác định phần vốn nhà nước	-	-	(896,672,017)	(4,654,448,224)	-	-	(5,551,120,241)
Số dư cuối năm	120,000,000,000	210,352,860,000	35,129,023,148	7,209,257,208	226,196,555	54,113,935,639	427,031,272,550
	-	-	-	-	-	-	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2009

Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Vương Thiên Báu
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc